

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 216/2023/DS-PT
Ngày: 23-6-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Huỳnh Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Phương Y, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

2. Ông Cao Thanh T1, sinh 1988;

Cùng địa chỉ: Ấp , xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị T - Bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-11-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22-12-2022, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Y trình bày:

Ngày 18-5-2022, bà có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 206.000.000 đồng, bà T có ký giấy mượn tiền viết tay. Khi vay tiền của bà thì bà T nói vay để làm ăn, đặt cọc để mua đất, do chỗ quen biết với chồng bà T là ông Cao Thanh T1 nên bà đã cho bà T vay.

Sau đó, bà tiếp tục cho bà T vay thêm số tiền 15.000.000 đồng thì bà T cũng có viết và ký giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm, bà T giao cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Cao Thanh T1 ngày 01-9-2010 để làm tin. Hiện tại, số tiền 15.000.000 đồng này thì bà T đã trả cho bà, bà không khởi kiện. Tuy nhiên, bà vẫn đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Cao Thanh T1 liên đới trả số tiền là 206.000.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng) cho bà và không yêu cầu tính lãi. Khi nào bà T, ông T1 trả cho bà số tiền 206.000.000 đồng thì bà đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 và bà T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Phương Y, năm 2022 bà có vay của bà Y số tiền là 206.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền đề ngày 18-5-2022. Bà vay tiền của bà Y để cho người khác vay lại. Sau đó, bà tiếp tục vay của bà Y số tiền 15.000.000 đồng có đưa cho bà Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Cao Thanh T1 ngày 01-9-2010 làm tin để bà Y tiếp tục cho bà vay tiền. Bà đã trả cho bà Y số tiền 15.000.000 đồng, hiện tại bà còn nợ bà Y số tiền 206.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 206.000.000 đồng nhưng do bà có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả tiền cho bà Y, nên bà xin trả dần cho bà Y mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bà yêu cầu bà Y phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Cao Thanh T1 ngày 01-9-2010 cho vợ chồng bà.

Đối với yêu cầu của bà Y yêu cầu bà cùng chồng là ông Cao Thanh T1 liên đới trả số tiền 206.000.000 đồng, bà không đồng ý vì đây là khoản vay riêng của bà, ông T1 không biết.

Bị đơn ông Cao Thanh T1 trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Y buộc ông liên đới với vợ ông là Nguyễn Thị T trả tiền cho bà Y số tiền 206.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Lý do, ông không biết việc vay mượn giữa vợ ông là bà Nguyễn Thị T với bà Trần Thị Phương Y, vợ ông mượn tiền của bà Y về sử dụng vào việc gì ông không biết và ông cũng không biết vợ ông lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 965811 đối với thửa đất số 457, tờ bản đồ số 3, tại xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa là tài sản của ông đưa cho bà Y để vay tiền.

Nay ông yêu cầu bà Trần Thị Phương Y trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 01-9-2010 mang tên Cao Thanh T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, Điều 289, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Y. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Cao Thanh T1 phải liên đới trả bà Trần Thị Phương Y số tiền vốn vay 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, ông Cao Thanh T1. Buộc bà Trần Thị Phương Y phải trả cho ông T1, bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do UBND huyện Đức Hòa cấp cho ông Cao Thanh T1 ngày 01-9-2010.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-4-2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc ông Cao Thanh T1 liên đới trả nợ.

Ngày 20-4-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS-DS, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm không buộc ông Cao Thanh T1 liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà

T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà T vay tiền của bà Y để sử dụng cho cá nhân, ông T1 không biết. Giấy vay tiền không có chữ ký của ông T1. Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông T1, bà T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y không có ý kiến của ông T1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đúng theo quy định tại các điều 272, 273, 276, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Y yêu cầu bà T và ông T1 liên đới trả số tiền vay là 206.000.000 đồng. Xét thấy, tại “Giấy mượn tiền” ngày 18-5-2022 có nội dung: Bà Trần Thị Phương Y có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 206.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18-5-2022 đến hết ngày 25-5-2022. Bà T thừa nhận có vay của bà Y số tiền 206.000.000 đồng theo nội dung giấy mượn tiền nêu trên, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Đến hạn, bà T không trả tiền vay cho bà Y là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bà T vay tiền trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông T1, hai vợ chồng đang sống chung, cùng chăm lo cho gia đình. Bà T trình bày vay tiền để cho người khác vay lại lấy lời và làm vốn bán vé số. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày vay tiền để sử dụng cho cá nhân nhưng không có chứng cứ chứng minh. Khi Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông T1 liên đới trả nợ, ông T1 không có kháng cáo. Mặt khác, do bà T có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Cao Thanh T1 đứng tên nên bà Y mới cho bà T vay tiền.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của vợ chồng để buộc ông T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ là có căn cứ. Kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm không buộc ông Cao Thanh T1 liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà T và ông T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Y số tiền vốn vay 206.000.000 đồng.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa là chưa phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, Điều 289, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Y. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Cao Thanh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Trần Thị Phương Y số tiền vốn vay 206.000.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, ông Cao Thanh T1. Buộc bà Trần Thị Phương Y phải trả cho ông T1, bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 965811 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp cho ông Cao Thanh T1 ngày 01-9-2010.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Phương Y chịu án phí 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0007432 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành án phí. Hoàn trả lại cho bà Y 4.850.000 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T, ông Cao Thanh T1 phải chịu 10.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007892 ngày 07-02-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành án phí. Bà T và ông T1 còn phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0008390 ngày 04-4-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa để thi hành án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

